TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ K** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/DS-ST
Ngày: 30 / 9 / 2021
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc Vũ;

2. Bà Võ Thị Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 63/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc "tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2021, giữa:

Đồng nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim Ha, sinh năm 1961 và bà Huỳnh Thị Kim Na, sinh năm 1985; cùng địa chỉ: tổ 06, khóm VT 3, phường SN, thành phố K, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Bà Lữ Thị Cc, sinh năm 1967; địa chỉ: tổ 01, khóm VĐ, phường SN, thành phố K, tỉnh An Giang;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hồ Mỹ Lh, sinh năm 1975; địa chỉ: tổ 18, khóm VP, phường SN, thành phố K, tỉnh An Giang;

- Bà Lữ Thị Thu Ab, sinh năm 1963; địa chỉ: tổ 01, khóm VĐ 1, phường SN, thành phố K, tỉnh An Giang;

Bà Ha, bà Na và bà Cc có mặt tại phiên tòa; bà Lh và bà Ab vắng mặt tại phiên tòa, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đồng nguyên đơn bà Nguyễn Kim Ha và bà Huỳnh Thị Kim Na đồng trình bày:

Vào ngày 18/01/2019, bà Ha và bà Na có cho bà Lữ Thị Cc vay số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, không thỏa thuận thời hạn, mục đích vay lo công việc gia đình. Khi vay, hai bên có lập giấy vay tiền ngày 18/01/2019. Biên nhận này phần đánh máy có sẵn là do bà Ha, bà Na nhờ người đánh máy, còn phần chữ viết tay là do bà Hồ Mỹ Lh viết. Trong nội dung giấy vay tiền có thể hiện chữ ký của bà Na, bà Ha, bà Lh và bà Cc. Khi vay, bà Cc có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lữ Thị Cc, ông Nguyễn Văn X đứng tên và giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ha, bà Na giữ.

Sau khi vay, bị đơn đã trả lãi được 04 tháng với mức lãi suất 10%/tháng, tổng cộng là 16.000.000 đồng (trả lãi tháng 01, 02, 3, 4 âm lịch năm 2019); tháng 5, 6, 7 âm lịch năm 2019 thì bị đơn ngưng trả lãi. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi và do hoàn cảnh bị đơn khó khăn nên bà Ha, bà Na đồng ý giảm lãi còn 5%/tháng, bị đơn có trả lãi được 02 tháng với mức lãi suất 5%/tháng trả được 4.000.000 đồng. Từ tháng 10 Âl/2019 bị đơn ngưng trả lãi, chưa trả vốn cho đến nay. Khi cần tiền để sử dụng, bà Na, bà Ha yêu cầu bà Cc trả nợ nhiều lần nhưng bà Cc không thực hiện. Vì vậy, bà Na, bà Ha khởi kiện yêu cầu bà Cc trả số tiền vay 40.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi 2%/tháng kể từ tháng 7/2019 cho đến khi xét xử sơ thẩm; tiếp tục duy trì việc thế chấp tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà Cc đã thế chấp, việc thế chấp chỉ thỏa thuận miệng, không có công chứng, chứng thực. Tổng cộng nhận tiền lãi là 20.000.000 đồng, việc nhận tiền lãi từ bà Lh đưa lại. Bà Ha, bà Na yêu cầu bà Cc trả số tiền vốn 40.000.000 đồng trong thời hạn 03 tháng, nếu không khả năng trả một lần số tiền 40.000.000 đồng thì yêu cầu trả mỗi tháng 3.000.000 đồng và tính lãi suất 2%/tháng.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Giấy vay tiền ngày 18/01/2019 (bản chính); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản sao).

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lữ Thị Cc trình bày: Bà Cc có quen biết với bà Hồ Mỹ Lh, do bà Lh quen biết với bà Lữ Thị Thu Ab (chị ruột bà Cc) nên bà Lh có giới thiệu bà Cc đến bà Ha, bà Na vay tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng. Sau khi hỏi vay, bà Cc là

người trực tiếp đi cùng bà Lh nhận tiền vay do bà Na giao. Bà Cc thừa nhận có làm giấy vay tiền với bà Na, bà Ha. Bà xác định chữ ký trong giấy vay tiền ngày 18/01/2019 là bà trực tiếp ký tên và nhận tiền vay, nhưng số tiền vay này sau đó giao lại cho bà Thu Ab (chị ruột bà Cc) sử dụng, khi ký tên vào giấy vay tiền có đọc lại nội dung, còn chữ viết trong giấy vay tiền bà không biết do ai ghi. Theo nội dung giấy vay tiền thì không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay. Khi vay có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ha, bà Na. Sau khi vay, bà được biết lãi suất thỏa thuận là 10%/tháng, đã trả lãi được 06 tháng, tổng cộng là 24.000.000 đồng. Sau đó, các bên thỏa thuận lại lãi suất là 5%/tháng, đã trả lãi được 04 tháng, tổng cộng là 8.000.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi đã trả cho nguyên đơn là 32.000.000 đồng, ngưng trả lãi từ tháng 11 âm lịch năm 2019 cho đến nay, chưa thực hiện việc trả vốn.

Việc bà Thu Ab hỏi vay tiền của nguyên đơn bà Cc có biết, thống nhất nên trực tiếp ký giấy vay tiền và nhận tiền từ bà Na; có giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Cc và ông Nguyễn Văn X đứng tên chủ sử dụng cho bà Na giữ. Việc giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Na, bà Ha giữ là để làm tin, không làm giấy thế chấp cũng như không có công chứng.

Bà Cc xác định có vay tiền của bà Na, đồng ý trả khoản nợ vốn 40.000.000 đồng. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số vốn, xin không tính lãi suất; nếu bà Na, bà Ha không đồng ý phương thức trả mỗi tháng 500.000 đồng, yêu cầu Tòa án xem xét lại các khoản tiền lãi đã trả. Yêu cầu bà Na, bà Ha trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi tôi trả xong nợ.

- *Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Mỹ Lh trình bày:* Bà Lh quen biết với bà Huỳnh Thị Kim Na, bà Nguyễn Thị Ha, bà Lữ Thị Cc và bà Lữ Thị Thu Ab (chị bà Cc bán quán nước trước cơ quan bà Lh). Vào tháng 01/2019, bà Lh có giới thiệu bà Cc và bà Ab làm quen với bà Ha, bà Na. Bà Cc hỏi vay tiền của bà Na, bà Ha khi nào không biết nhưng ngày 18/01/2019 có cùng với bà Cc đến nhà bà Ha, bà Na để nhận tiền. Chữ viết trong giấy vay tiền là do bà Lh viết dùm và có ký tên chứng kiến. Bà Ha, bà Na giao cho bà Cc số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất các bên thỏa thuận là 10%/tháng, đóng lãi được 4 tháng. Sau đó, giảm lãi suất lại 5%/tháng, đóng lãi được 02 tháng thì ngưng cho đến nay. Xác định có nhận tiền lãi do bà Thu Ab gửi đưa lại cho bà Ha, bà Na. Có ký tên trong giấy vay tiền ngày 18/01/2019 nhưng là ký chứng kiến việc vay tiền giữa các bên.

- *Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền*

lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lữ Thị Thu Ab trình bày: Vào năm 2019 (không nhớ ngày, tháng), bà Thu Ab có nhờ em ruột là bà Cc mang sổ đỏ của Cc đến vay tiền của bà Na, bà Ha số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, đóng lãi được 6 tháng là 24.000.000 đồng; sau đó lãi suất giảm còn 5%/tháng, đóng lãi được 04 tháng. Bà Ab gửi cho bà Hồ Mỹ Lh đóng lãi hàng tháng cho bà Ha, bà Na. Việc đóng lãi không ghi sổ sách, ngưng đóng lãi từ tháng 11/2019 âm lịch cho đến nay, chưa trả vốn. Bà Ab xác định số tiền vay 40.000.000 đồng là bà Ab sử dụng, bà Cc không có sử dụng số tiền này. Do hoàn cảnh khó khăn không trả một lần số nợ 40.000.000 đồng, đồng ý cùng bà Cc trả dần số nợ mỗi tháng 500.000 đồng, xin không tính lãi suất, không yêu cầu xem xét lại tiền lãi đã đóng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng bà Lh, bà Thu Ab vắng mặt và có đơn yêu cầu vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả một lần vốn vay 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất; đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn khi bị đơn trả dứt nợ; đồng ý chịu toàn bộ án phí cho bị đơn; không đồng ý việc bà Ab yêu cầu cùng có trách nhiệm với bà Cc trả nợ.

- Bị đơn: Đồng ý chịu trách nhiệm trả vốn vay 40.000.000 đồng, xin không tính lãi suất; không yêu cầu điều chỉnh tiền lãi đã trả cho bà Ha, bà Na; không yêu cầu bà Ab cùng có trách nhiệm trả nợ; xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ; yêu cầu bà Na, bà Ha trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi trả nợ xong.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 BLTTDS năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: giữa bà Nguyễn Kim Ha, Huỳnh Thị Kim Na, Lữ Thị Cc có thỏa thuận vay vốn và bà Cc có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà cho bà Ha và bà Na giữ; việc vay nợ có làm giấy vay tiền và được các bên thừa nhận thống nhất. Xét thấy, giao dịch vay vốn giữa các bên là

hoàn toàn tự nguyện nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ. Trong quá trình thực hiện trả khoản vay, bà Cc đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên việc bà Ha, bà Na khởi kiện yêu cầu bà Cc thanh toán nợ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với việc các bên thỏa thuận cho vay với mức lãi 10% và 5% là cao so với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa các đương sự thống nhất, phía nguyên đơn chỉ yêu cầu thanh toán khoản nợ gốc là 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và cùng đề nghị Tòa án không xem xét điều chỉnh khoản tiền lãi mà các bên đã thanh toán với nhau. Xét thấy, việc các bên thỏa thuận xác định khoản nợ còn lại phải trả trên cơ sở tự nguyện, trong phạm vi quyền tự định đoạt của mình, nên có cơ sở chấp nhận.

Đối với việc bị đơn (bà Cc) xin trả dần với phương thức trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ, nhưng không được phía nguyên đơn (bà Na, bà Ha) chấp nhận nên không có cơ sở xem xét.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chủ sử dụng Lữ Thị Cc, Nguyễn Văn X hiện bà Ha, bà Na đang giữ của bà Cc, các bên thừa nhận bà Cc giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ha, bà Na để làm tin, các bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập thành văn bản. Xét thấy, việc thế chấp quyền sử dụng đất không đảm bảo về mặt hình thức theo quy định tại Điều 502 Bộ luật Dân sự, Điều 167 Luật Đất đai 2013, nên vô hiệu theo quy định tại Điều 117 và Điều 129 Bộ luật Dân sự, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ khi xác lập. Do đó, việc bà Cc có yêu cầu nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có cơ sở chấp nhận.

Đối với việc bà Lữ Thị Thu Ab xác định có nhờ em ruột là Lữ Thị Cc mang sổ đỏ đến vay tiền của bà Na, bà Ha số tiền 40.000.000 đồng như nội dung vụ viêc và số tiền này bà Ab là người trực tiếp sử dụng. Tuy nhiên, nguyên đơn và bị đơn không thừa nhận trách nhiệm của bà Ab trong việc thanh toán nợ, nên không đề cập. Do đó, giữa bà Cc, bà Ab nếu có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Từ những cơ sở phân tích, đánh giá nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Kim Ha, Huỳnh Thị Kim Na khởi kiện yêu cầu bà Lữ Thị Cc trả nợ vay và tiền lãi. Bà Cc đang cư trú trên địa bàn thành phố K nên yêu cầu khởi kiện của bà Ha, bà Na thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy tại

khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Hồ Mỹ Lh, bà Lữ Thị Thu Ab đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Lh, bà Thu Ab theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung:

[3] Về vốn vay và lãi suất:

- Về vốn vay: Bà Ha, bà Na và bà Cc thống nhất, bà Cc có vay của bà Ha, bà Na số tiền 40.000.000 đồng, bà Cc có ký giấy vay tiền ngày 18/01/2019; vay không thời hạn. Khi nào cần lấy lại vốn, bà Ha, bà Na thông báo cho bà Cc một khoảng thời gian hợp lý. Nhiều lần bà Ha, bà Na nhắc nhở bà Cc việc thanh toán nợ nhưng bà Cc không thực hiện.

Xét, nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận giao kết hợp đồng dân sự vay tiền, nội dung và hình thức không trái quy định pháp luật nên được công nhận. Nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả nợ nhiều lần nhưng bị đơn không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay là có căn cứ chấp nhận.

- Về lãi suất: tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả vốn gốc 40.000.00 đồng, không yêu cầu tính lãi từ khi bị đơn ngưng trả lãi tháng 11/2019 âm lịch. Đồng thời, bị đơn không yêu cầu Tòa án xem xét điều chỉnh lại tiền lãi đã trả cho nguyên đơn. Việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất vay là có lợi cho phía bị đơn, xét chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm trả nợ và phương thức thanh toán:

Bà Lữ Thị Thu Ab có yêu cầu được cùng bà Lữ Thị Cc có trách nhiệm trả nợ cho bà Ha, bà Na. Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định bị đơn trực tiếp vay số tiền 40.000.000 đồng thể hiện tại giấy vay nợ ngày 18/01/2019 âm lịch, chỉ yêu cầu bà Cc trả nợ, không đồng ý việc bà Bà yêu cầu cùng bà Cc trả nợ cho nguyên đơn. Bị đơn cũng thừa nhận là người trực tiếp ký tên vay tiền, nhận tiền và chấp nhận trả nợ, không yêu cầu bà Cc cùng có trách nhiệm trả nợ, xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết.

Xét, giấy vay tiền thể hiện người vay là bà Lữ Thị Cc, bà Cc cũng xác định là có ký giấy vay số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 18/01/2019 âl và tại phiên tòa bà Cc cũng đồng ý trả số nợ này, không yêu cầu bà Ab cùng có trách nhiệm trả nợ. Do đó, trách nhiệm trả nợ cho bà Ha, bà Na là thuộc về bà Cc. Bà

Ab có yêu cầu nhưng không được phía nguyên đơn và bị đơn đồng ý, tại phiên tòa, bị đơn có đưa ra phương thức thanh toán nợ với nguyên đơn nhưng không được nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ để xem xét.

Buộc bà Lữ Thị Cc có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Kim Ha, bà Huỳnh Thị Kim Na số tiền vốn 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lữ Thị Cc và ông Nguyễn Văn X đứng tên chủ sử dụng của nguyên đơn:

Các đương sự thống nhất khi vay tiền bà Lữ Thị Cc có thế chấp quyền sử dụng đất (bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 927598 (CH05662) cấp ngày 29/9/2014 mang tên Nguyễn Văn X, Lữ Thị Cc nhưng các bên chỉ thỏa thuận miệng, không làm văn bản, không có công chứng, chứng thực.

Tại phiên tòa, bị đơn có yêu cầu được nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả hết số nợ cho nguyên đơn, nguyên đơn đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn khi bị đơn thanh toán xong số nợ vay.

Xét, việc thỏa thuận thế chấp quyền sử dụng đất giữa các bên không tuân thủ quy định về hình thức theo điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013 và Điều 319 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên không phát sinh hiệu lực, cần tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất vô hiệu, buộc bà Nguyễn Kim Ha và bà Huỳnh Thị Kim Na có trách nhiệm giao trả lại cho bà Lữ Thị Cc bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 927598 (CH05662) do Ủy Ban nhân dân thành phố K cấp ngày 29/9/2014 mang tên Nguyễn Văn X, Lữ Thị Cc.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn có trách nhiệm trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn. Xét, đây là sự tự nguyện của phía nguyên đơn, không trái quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Bà Nguyễn Kim Ha và bà Huỳnh Thị Kim Na phải chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng bà Ha và bà Na đã nộp theo biên lại tạm ứng án phí số 0004334 ngày 08/3/2021 của Chi cục Thi hành ứng dân sự thành phố K, bà Ha và bà Na phải nộp thêm 1.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim Ha, bà Huỳnh Thị Kim Na.

Buộc bà Lữ Thị Cc có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Kim Ha, Huỳnh Thị Kim Na số nợ vay ***40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng*.**

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Kim Ha, bà Huỳnh Thị Kim Na với bà Lữ Thị Cc vô hiệu.

Buộc bà Nguyễn Kim Ha, bà Huỳnh Thị Kim Na trả lại cho bà Lữ Thị Cc 01 (một) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 927598 (CH05662) do Ủy Ban nhân dân thành phố K cấp ngày 29/9/2014 cho bà Lữ Thị Cc và ông Nguyễn Văn X đứng tên chủ sử dụng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lữ Thị Cc không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Kim Ha và Huỳnh Thị Kim Na phải chịu 2.000.000 đồng án phí sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng bà Ha và bà Na đã nộp theo biên lại tạm ứng án phí số 0004334 ngày 08/3/2021 của Chi cục Thi hành ứng dân sự thành phố K, bà Ha và bà Na phải nộp thêm 1.000.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Kim Ha, bà Huỳnh Thị Kim Na và bà Lữ Thị Cc có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Hồ Mỹ Lh và bà Lữ Thị Thu Ab được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP. K;
- Chi cục THADS TP. K;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Ngọc